

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10 – 6 - 2021

V/v “xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khúc Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Thái Ánh Trinh

2/ Bà Trần Thúy Kiên

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Đặng Minh Th - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 210/2021/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2021/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1979 (*có mặt*)

Nơi cư trú: khu vực A, phường B, quận X, thành phố Y.

Chỗ ở hiện nay: 106 ấp S, xã M, huyện CD, thành phố Y

Bị đơn: **Nguyễn Văn L2**, sinh năm 1978 (*có mặt*)

Nơi cư trú: khu vực A, phường B, quận X, thành phố Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Chị và anh L2 thông qua tìm hiểu khoảng 04 tháng thấy hợp nhau nên tự nguyện tiến tới hôn nhân. Có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào tháng 11/2000, có đăng ký kết hôn 20/4/2004 tại UBND phường B, quận X, thành phố Y.

Anh chị có 03 con chung cháu Nguyễn Trí C, sinh ngày 29/5/2002, cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 23/8/2006 và cháu Nguyễn Trí Th, sinh ngày 09/11/2018. Ngoài ra không còn con nuôi, riêng nào khác.

Chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn nhưng anh L2 không đi làm để lo cuộc sống gia đình chị phải đi làm để kiếm thêm thu nhập, anh L2 thường xuyên đánh và kiểm chuyện chửi chị dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nhiều lần giải thích và khuyên anh L2 không nghe và sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay, thời gian ly thân anh L2 có liên lạc để hàn gắn tình cảm nhưng chị không đồng ý, vì anh L2 thường đánh chị mà không biết lý do gì và cảm thấy bất an khi sống chung với anh L2. Thời gian sống ly thân chị về nhà mẹ ruột ở CD, còn 02 cháu T và Th thì sống chung với anh L2.

Nay về tình cảm đối với anh L2 không còn nữa nên xin ly hôn với anh L2.

Về con chung: chị yêu cầu nuôi dưỡng cháu Th đến khi thành niên, cháu T giao cho anh L2 nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu C đã thành niên có năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, riêng, nợ: tự thỏa T, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị L về thời gian tìm hiểu yêu thương nhau, thời gian tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn, thời gian sống ly thân, chung sống có 03 con chung.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn như chị L trình bày là không đúng, nguyên nhân chủ yếu do anh và chị L có sự mâu thuẫn nhau trong vấn đề nuôi con khi con bệnh.

Nay chị L xin ly hôn anh không đồng ý vì còn tình cảm và cũng nghĩ cho tương lai con chung.

Về con chung: nếu ly hôn yêu cầu nuôi dưỡng 02 cháu Chí T và cháu Trí Th đến khi thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu C đã thành niên có năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, nợ: tự thỏa T, không yêu cầu giải quyết.

Phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn: yêu cầu ly hôn với anh L2. Về con chung: cháu T và cháu Th giao cho anh L2 nuôi dưỡng đến khi thành niên và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ: tự thỏa T, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn: không đồng ý ly hôn. Về con chung: yêu cầu nuôi dưỡng 02 cháu Chí T và cháu Trí Th đến khi thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ: tự thỏa T, không yêu cầu giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn L2; Về con: giao cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 23/8/2006 và cháu Nguyễn Trí Th, sinh ngày 09/11/2018 cho anh L2 tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng: theo đơn khởi kiện quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “xin ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn L2 có nơi cư trú tại: khu vực A, phường B, quận X, thành phố Y, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh L2 là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo chị L nguyên nhân dẫn đến ly hôn do kinh tế gia đình khó khăn nhưng anh L2 không đi làm để lo cuộc sống gia đình và thường kiếm chuyện chửi, đánh chị dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Có giải thích và khuyên anh L2 nhưng anh L2 không thay đổi. Về phía anh L2 cho rằng nguyên nhân dẫn đến ly hôn chủ yếu do anh và chị L có sự mâu thuẫn nhau trong vấn đề nuôi con khi con bệnh. Anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Thời gian ly thân anh L2 có liên lạc để hàn gắn tình cảm nhưng chị L không đồng ý.

Tòa án đã tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ, chung tay xây dựng gia đình lo tương lai con chung nhưng chị L vẫn quyết định ly hôn. Hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện của hai người, có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, anh L2 không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm, nhưng chị L không đồng ý. Nếu kéo dài mối quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho anh chị. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh L2 là phù hợp.

[3] Về con: anh chị đều thống nhất có 03 con chung, cháu Nguyễn Trí C, sinh ngày 29/5/2002, cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 23/8/2006 và cháu Nguyễn Trí Th, sinh ngày 09/11/2018. Quá trình giải quyết chị L mong muốn được nuôi dưỡng cháu Th đến khi thành niên, cháu T giao cho anh L2 nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về phía anh L2 mong muốn được nuôi dưỡng cháu Chí T và cháu Trí Th đến khi thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu C đã thành niên có năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nên anh chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa anh, chị thỏa T được với nhau trong việc nuôi dưỡng con chung, thống nhất giao cháu Chí T và cháu Trí Th cho anh L2 nuôi dưỡng đến khi thành niên, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Công nhận sự tự nguyện

này của anh, chị.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, riêng và nợ: đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 4; 5; 6 Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; 262; 264 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, 53, 54, 56, 57, 59, 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn L2.

Về con chung: giao cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 23/8/2006 và cháu Nguyễn Trí Th, sinh ngày 09/11/2018 cho anh L2 tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Trí C, sinh ngày 29/5/2002 đã thành niên có năng lực hành vi dân sự và có khả năng lao động nguyên, bị đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị Nguyễn Thị L không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về án phí: chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm nộp án phí theo biên lai số 0004034 ngày 13/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Chị L không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKS quận Thốt Nốt;
- Chi THA dân sự quận Thốt Nốt;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Khúc Thị Hồng